

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
				Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		4,918,996,327,270	4,595,293,741,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	VI.01	2,326,178,893,677	1,712,297,012,483
1. Tiền		111		823,178,893,677	696,567,012,483
Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán				820,050,893,489	695,231,794,713
2. Các khoản tương đương tiền		112		1,503,000,000,000	1,015,730,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	VI.02	1,319,336,306,653	1,776,063,689,378
1. Đầu tư ngắn hạn		121		1,371,428,110,162	1,822,166,942,418
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(52,091,803,509)	(46,103,253,040)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,262,844,017,044	1,100,593,798,651
1. Phải thu của khách hàng		131	VI.07	423,963,262,832	499,788,484,016
2. Trả trước cho người bán		132	VI.08	6,681,570,506	3,838,358,019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		135	VI.07	111,485,566	48,511,192
5. Các khoản phải thu khác		138	VI.07	1,006,920,475,722	811,353,953,245
Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư ngắn hạn		139	VI.10	(174,832,777,582)	(214,435,507,821)
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		10,637,109,896	6,339,241,263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		7,555,531,292	4,428,098,616
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		65,848,471	119,318,128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158		3,015,730,133	1,791,824,519

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)		200		3,222,668,949,405	3,069,822,261,481
I Các khoản phải thu dài hạn		210		1,214,572,831,013	1,093,397,637,136
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	VI.09	1,265,281,968,756	1,193,537,915,322
5.	Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác đầu tư dài hạn	219	VI.10	(50,709,137,743)	(100,140,278,186)
II. Tài sản cố định		210		140,309,560,543	144,913,865,985
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.04	21,086,883,277	23,984,681,097
	Nguyên giá	222		94,269,851,509	94,222,251,509
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73,182,968,232)	(70,237,570,412)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.05	119,222,677,266	120,929,184,888
	Nguyên giá	228		155,665,147,084	155,665,147,084
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36,442,469,818)	(34,735,962,196)
4.	Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư		240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		1,787,266,704,480	1,748,820,906,284
1.	Đầu tư vào công ty con	251	VI.02	342,000,000,000	342,000,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.02	-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	VI.02	1,034,451,943,709	1,021,342,587,931
	Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1,034,451,943,709	1,021,342,587,931
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548,616,990,000	548,616,990,000
5.	Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(137,802,229,229)	(163,138,671,647)
V. Tài sản dài hạn khác		260		80,519,853,369	82,689,852,076
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.03	6,740,082,716	8,861,760,393
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.16	50,139,595,647	52,687,916,677
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	17,482,911,796	14,982,911,796
4.	Tài sản dài hạn khác	268		6,157,263,210	6,157,263,210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		8,141,665,276,675	7,665,116,003,256

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		2,989,823,074,329	2,676,923,165,630
I. Nợ ngắn hạn		310		2,989,823,074,329	2,676,923,165,630
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	VI.17	161,101,895,136	357,728,021,077
2. Phải trả người bán		312		8,441,948,580	9,234,113,425
3. Người mua trả tiền trước		313	VI.12	99,361,073,750	99,049,773,750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	VI.14	41,036,618,754	18,442,549,211
5. Phải trả người lao động		315		17,922,140	53,077,997
6. Chi phí phải trả		316	VI.11	19,427,800,687	10,057,038,337
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	VI.13	1,735,095,680,844	1,191,022,103,916
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	VI.18	851,243,655,394	910,301,627,487
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321		6,502,283,505	4,474,923,850
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322		605,427,160	605,427,160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		323		66,237,822,925	75,065,576,088
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		750,945,454	888,933,332
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		5,151,842,202,346	4,988,192,837,626
I. Vốn chủ sở hữu		410	VI.15	5,151,842,202,346	4,988,192,837,626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		3,537,949,420,000	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		344,944,356,378	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(89,246,186,000)	(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		289,383,181,436	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		1,068,811,430,532	921,016,945,812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)		440		8,141,665,276,675	7,665,116,003,256

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	002		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	003		-	-
4. Ngoại tệ các loại	004		-	-
5. Nguồn vốn khấu hao	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12,346,766,430,000	13,269,603,970,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		10,663,501,630,000	11,763,352,280,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		216,637,440,000	547,882,530,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		8,811,451,220,000	9,578,229,100,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,635,412,970,000	1,637,240,650,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		156,074,680,000	179,044,560,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	300,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		155,429,680,000	173,199,560,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		645,000,000	5,545,000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		675,969,260,000	646,344,340,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		675,969,260,000	646,344,340,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		240,887,600,000	169,698,350,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		236,277,100,000	164,999,950,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		4,610,500,000	4,698,400,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		610,333,260,000	511,164,440,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		606,052,140,000	506,797,630,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		4,281,120,000	4,366,810,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch giao dịch của tổ chức khác	041		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết Trong đó:	050		1,361,126,500,000	839,705,300,000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051		1,318,215,310,000	794,415,700,000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		7,221,960,000	7,221,730,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		1,281,083,640,000	759,298,770,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		29,909,710,000	27,895,200,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		7,995,000,000	7,995,000,000
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	1,000,000,000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		6,995,000,000	6,995,000,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3 Chứng khoán cầm cố	061		32,580,440,000	32,580,440,000
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32,580,440,000	32,580,440,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4 Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071		2,335,750,000	4,714,160,000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		2,335,750,000	4,714,160,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch				
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng				
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán				
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá				

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2	3	4	5	6	7	
1	Doanh thu	01	185,611,972,264	172,398,690,786	185,611,972,264	172,398,690,786
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	33,887,714,264	28,640,249,901	33,887,714,264	28,640,249,901
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	56,273,511,833	60,244,912,273	56,273,511,833	60,244,912,273
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	5,061,000	-	5,061,000
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	2,109,553,261	9,700,665,577	2,109,553,261	9,700,665,577
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	1,115,492,074	1,173,427,077	1,115,492,074	1,173,427,077
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	177,714,887	228,636,883	177,714,887	228,636,883
	Doanh thu khác	01.9	92,047,985,945	72,405,738,075	92,047,985,945	72,405,738,075
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	185,611,972,264	172,398,690,786	185,611,972,264	172,398,690,786
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	11,199,872,116	(75,020,377,774)	11,199,872,116	(75,020,377,774)
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	119,581,634,747	160,872,492,217	119,581,634,747	160,872,492,217
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	(108,381,762,631)	(235,892,869,991)	(108,381,762,631)	(235,892,869,991)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	174,412,100,148	247,419,068,560	174,412,100,148	247,419,068,560
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,487,739,178	1,968,339,964	2,487,739,178	1,968,339,964
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	171,924,360,970	245,450,728,596	171,924,360,970	245,450,728,596
8	Thu nhập khác	31	16,282,472,289	1,510,201,351	16,282,472,289	1,510,201,351
9	Chi phí khác	32	-	496,494,000	-	496,494,000
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	16,282,472,289	1,013,707,351	16,282,472,289	1,013,707,351
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	188,206,833,259	246,464,435,947	188,206,833,259	246,464,435,947
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37,154,620,205	34,160,381,850	37,154,620,205	34,160,381,850
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	2,548,321,030	-	2,548,321,030	-
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	148,503,892,024	212,304,054,097	148,503,892,024	212,304,054,097
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	-	-

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	188,206,833,259	246,464,435,947
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4,651,905,442	6,504,411,543
- Các khoản lập dự phòng	03	(108,381,762,631)	(235,892,869,991)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(16,493,022,244)	14,523,496,747
- Chi phí lãi vay	06	2,361,086,071	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	70,345,039,897	31,599,474,246
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(174,676,741,885)	(241,833,662,701)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	427,914,349,762	(460,721,686,773)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	490,687,303,919	832,858,814,803
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1,005,754,999)	1,260,537,767
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,715,534,314)	(6,470,621)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9,820,919,352)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3,149,811,281
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8,842,753,163)	(13,334,535,497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	791,884,989,865	152,972,282,505
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,529,694,320)	(727,041,551)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1,473,942,424
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	25,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(52,596,083,300)	(18,867,348,830)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	51,979,172,000	61,838,910,500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	914,742,890	8,236,953,002
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,768,137,270	51,955,415,545

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,854,880,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	740,995,512,302	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(937,621,638,243)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(36,543,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180,771,245,941)	(36,543,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	613,881,881,194	204,891,155,050
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,712,297,012,483	1,619,838,319,136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,326,178,893,677	1,824,729,474,186

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**CHỈ TIÊU - Quý 1- 2013**Thuyết
minh

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,526,117,420,000	11,832,000,000	-	3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	340,921,476,378	4,022,880,000	-	344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	(89,246,186,000)	-	-	(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	289,383,181,436	-	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	921,016,945,812	148,503,892,024	709,407,304	1,068,811,430,532
Cộng	4,988,192,837,626	164,358,772,024	709,407,304	5,151,842,202,346

CHỈ TIÊU - Quý 1- 2012Thuyết
minh

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,526,117,420,000			3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	340,921,476,378			340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-			-
4. Cổ phiếu quỹ	(88,591,286,000)			(88,591,286,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-			-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	-			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	289,383,181,436			289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	815,491,595,383	212,304,054,097	182,594,264	1,027,613,055,216
Cộng	4,883,322,387,197	212,304,054,097	182,594,264	5,095,443,847,030

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 01 năm 2013 (chưa hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
4. Tổng số nhân viên : 375
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế quý 1/2013 của Công ty lãi 148.503.892.024 đồng, giảm 30% so với cùng kỳ quý 1/2012 (quý 1/2012 lãi : 212.304.054.097 đồng) do nguyên nhân sau: Mặc dù doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán, doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ và doanh thu lãi tiền gửi tăng hơn so với cùng kỳ năm trước làm tổng doanh thu Q1/2013 tăng 8% so với Quý 1/2012 nhưng khoản hoàn nhập dự phòng Quý 1/2013 lại giảm 54% so với hoàn nhập dự phòng của quý 1/2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam ban hành theo:
 - ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận và trình bày các khoản đầu tư vào công ty con và các công ty liên kết được trình bày dưới đây.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, , báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

6. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

7. Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

8. Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

16. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.
- ▶ Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.
- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH QUÍ 1 - 2013***Đơn vị tính: VND*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 1 năm 2013					
1. Doanh thu trực tiếp	50.299.549.068	56.273.511.833	93.033.432.104	2.287.268.148	201.893.761.153
2. Các chi phí trực tiếp	12.023.421.948	(87.128.369.798)	39.558.480.258	469.795.266	(35.076.672.326)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	33.587.852.490	5.386.061.897	3.397.914.590	6.391.771.243	48.763.600.220
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	4.688.274.630	138.015.819.734	50.077.037.256	(4.574.298.361)	188.206.833.259
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	1.199.220.187.923	3.543.570.315.178	3.172.427.012.826	1.945.103.693	7.917.162.619.620
2. Tài sản bộ phận phân bổ	132.917.635.766	11.844.145.761	3.290.040.489	15.792.194.348	163.844.016.365
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	60.658.640.690
Tổng tài sản	1.332.137.823.689	3.555.414.460.939	3.175.717.053.315	17.737.298.041	8.141.665.276.675
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	858.755.467.338	108.299.673.269	1.899.699.335.854	5.100.619.204	2.871.855.095.665
2. Nợ phải trả bộ phận phân bổ	53.749.640.575	4.789.571.932	1.330.436.648	6.386.095.910	66.255.745.065
3. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	51.712.233.599
Tổng công nợ	912.505.107.913	113.089.245.201	1.901.029.772.502	11.486.715.114	2.989.823.074.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VND)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	273.732.418	112.540.703
Tiền gửi ngân hàng	822.905.161.259	696.454.471.780
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>820.050.893.489</i>	<i>695.231.794.713</i>
Các khoản tương đương tiền	1.503.000.000.000	1.015.730.000.000
Cộng	2.326.178.893.677	1.712.297.012.483

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31/03/2013				
Chứng khoán thương mại	4.646.663	117.428.110.162	(52.091.803.509)	65.336.306.653
Cổ phiếu Niêm yết	662.204	12.697.382.276	(1.754.291.177)	10.943.091.099
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.984.459	104.730.727.886	(50.337.512.332)	54.393.215.554
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.254.000.000.000	-	1.254.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.254.000.000.000	-	1.254.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	25.926.534	1.034.451.943.709	(42.745.913.029)	991.706.030.680
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	25.926.534	1.034.451.943.709	(42.745.913.029)	991.706.030.680
Cổ phiếu Niêm yết	13.091.731	287.147.222.196	(15.746.216.201)	271.401.005.995
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	6.654.768	93.179.487.171	(26.999.696.828)	66.179.790.343
Trái phiếu	6.180.035	654.125.234.342	-	654.125.234.342
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
- Đầu tư vào công ty con	-	342.000.000.000	-	342.000.000.000
- Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	12.673.997	548.616.990.000	(95.056.316.200)	453.560.673.800
- Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000	(95.056.316.200)	453.560.673.800
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(2.653.316.200)	7.346.683.800
Công ty CP Đầu Tư Bất Động Sản SSI	1.499.999	14.999.990.000	-	14.999.990.000
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán thương mại	4.674.056	124.166.942.418	(46.103.253.040)	78.063.689.378
Cổ phiếu Niêm yết	1.156.294	30.864.387.266	(3.042.400.740)	27.821.986.526
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	3.517.762	93.302.555.152	(43.060.852.300)	50.241.702.852
Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.698.000.000.000	-	1.698.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		1.698.000.000.000		1.698.000.000.000
Chứng khoán đầu tư	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.055.372	1.021.342.587.931	(69.959.771.647)	951.382.816.284
Cổ phiếu Niêm yết	11.095.569	261.537.866.418	(43.246.474.819)	218.291.391.599
Cổ phiếu Chưa Niêm yết	6.654.768	93.179.487.170	(26.713.296.828)	66.466.190.342
Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.343		666.625.234.343
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Đầu tư góp vốn		342.000.000.000		342.000.000.000
- Đầu tư vào công ty con		342.000.000.000		342.000.000.000
- Vốn góp liên doanh, liên kết				
Đầu tư tài chính khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
- Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	(93.178.900.000)	455.438.090.000
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
Công ty CP Đầu Tư Bất Động Sản SSI	1.499.999	14.999.990.000		14.999.990.000

- Chi tiết dự phòng Đầu tư Chứng khoán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31/03/2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.635.898	79.241.068.607	(52.091.803.509)	27.149.265.098
Cổ phiếu niêm yết				
SVC	6.722	141.579.786	(60.243.587)	81.336.199
BHV	6.005	253.520.058	(220.492.558)	33.027.500
VHL	3.139	126.486.424	(79.401.425)	47.084.999
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.338.473.600)	2.844.256.400
Cổ phiếu khác	2.566	73.137.007	(55.680.007)	17.457.000
Cộng niêm yết	436.705	4.777.453.275	(1.754.291.177)	3.023.162.098
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

CTCP Phân Lân Văn Điền	2.545.971	63.547.657.757	(43.179.889.757)	20.367.768.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	250.706	4.148.237.000	(1.891.883.000)	2.256.354.000
Cộng chưa niêm yết	3.199.193	74.463.615.332	(50.337.512.332)	24.126.103.000
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.930.524	93.266.485.638	(46.103.253.040)	47.163.232.598
Cổ phiếu niêm yết				
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
Cổ phiếu khác	18.366	591.586.268	(414.055.370)	177.530.898
Cộng niêm yết	484.005	7.025.641.838	(3.042.400.740)	3.983.241.098
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
Công ty CP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Phân Lân Văn Điền	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
Công ty CP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
Cổ phiếu khác	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
Cộng chưa niêm yết	3.446.519	86.240.843.800	(43.060.852.300)	43.179.991.500

- Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
Tại ngày 31/03/2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán	9.707.620	164.775.529.873	(42.745.913.029)	122.029.616.844
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	181.621	5.570.070.190	(648.141.092)	4.921.929.098
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(7.848.873.864)	30.637.467.000
GIL	812.076	26.257.616.421	(271.184.421)	25.986.432.000
Cổ phiếu khác	1.000.833	11.782.015.224	(6.978.016.824)	4.803.998.400
Cộng niêm yết	3.129.251	82.096.042.699	(15.746.216.201)	66.349.826.498

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu chưa niêm yết**

- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Cty CP Việt Tín	629.900	6.654.826.400	(1.450.592.600)	5.204.233.800
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
Cộng chưa niêm yết	6.578.369	82.679.487.174	(26.999.696.828)	55.679.790.346

Tại ngày 31/12/2012

Chứng khoán sẵn sàng để bán	10.343.390	215.290.656.586	(69.959.771.647)	145.330.884.939
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
GIL	812.076	26.257.616.421	(271.184.421)	25.986.432.000
LAF	771.084	10.931.943.924	(7.924.716.324)	3.007.227.600
Cộng niêm yết	4.388.622	132.611.169.415	(43.246.474.819)	89.364.694.596

Cổ phiếu chưa niêm yết

- Cty CP Việt Tín	6.299	6.654.826.397	(1.450.592.600)	5.204.233.797
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
Cộng chưa niêm yết	5.954.768	82.679.487.171	(26.713.296.828)	55.966.190.343

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	5.016.928.274	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.723.154.442	1.963.484.017
Tổng Cộng	6.740.082.716	8.861.760.393

4. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	171.274.200	94.222.251.509
Tăng trong kỳ		30.000.000		17.600.000	47.600.000
Mua trong kỳ		30.000.000		17.600.000	47.600.000
Giảm trong năm					
Bán thanh lý					
Phân loại lại					
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	2.609.391.520	78.303.378.386	13.168.207.403	188.874.200	94.269.851.509
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	68.138.786	70.237.570.412
Tăng trong kỳ					
Khấu hao	112.317.288	2.493.228.583	332.233.325	7.618.624	2.945.397.820
Giảm trong kỳ					
Bán thanh lý					
Phân loại lại					
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	1.865.967.053	60.994.994.731	10.246.249.038	75.757.410	73.182.968.232
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	103.135.414	23.984.681.097
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	743.424.467	17.308.383.655	2.921.958.365	113.116.790	21.086.883.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.337.012.396	109.671.558.000	1.656.576.688	155.665.147.084
Tăng trong kỳ				
Mua mới				
Phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Bán thanh lý				
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	44.337.012.396	109.671.558.000	1.656.576.688	155.665.147.084
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.140.566.300		1.595.395.896	34.735.962.196
Tăng trong kỳ	1.696.177.398		10.330.224	
Khấu hao	1.696.177.398		10.330.224	
Phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Ngày 31 tháng 03 năm 2013				
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.196.446.096	109.671.558.000	61.180.792	120.929.184.888
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	9.500.268.698	109.671.558.000	50.850.568	119.222.677.266

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
Tổng Cộng	17.482.911.796

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	423.963.262.832	499.788.484.016
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	1.300.000.000	1.300.000.000
- Phải thu KH về nghiệp vụ ký quỹ	338.340.299.652	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	19.271.696.381	203.554.006.741
- Phải thu trái phiếu vinashin và giá trị chứng khoán còn lại của Quỹ Tầm nhìn	62.315.341.684	74.593.307.741
- Phải thu phí tư vấn	2.378.403.693	34.703.719.489
- Phải thu khác	357.521.422	363.521.422
2. Phải thu hoạt động giao dịch Chứng khoán	111.485.566	48.511.192
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	111.485.566	48.511.192
3. Thuế GTGT khấu trừ	65.848.471	119.318.128
4. Phải thu khác	1.006.920.475.722	811.353.953.245
- Phải thu theo cam kết mua và bán lại chứng khoán	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành	63.179.509.606	43.088.096.346
- Phải thu vốn và lãi ủy thác đầu tư ngắn hạn	525.299.099.324	474.168.667.218
- Phải thu lãi hợp đồng tiền gửi	15.427.012.826	19.015.455.188
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu – tiền cọc	400.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu lãi SP TC và KD vốn	212.694.441	150.944.442
- Phải thu BHXH	-	-
- Phải thu khác	2.802.159.525	2.830.790.051

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Ứng trước cho người bán:**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	6.681.570.506	3.838.358.019

9. Phải thu dài hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư dài hạn	1.138.778.460.167	1.089.935.425.884
- Phải thu lãi HĐ UTĐT dài hạn	126.503.508.589	103.602.489.438
Cộng	1.265.281.968.756	1.193.537.915.322

10. Dự phòng các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khó đòi –Trái Phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
- Dự phòng phải thu khó đòi	(1.616.828.706)	(9.250.589.059)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác ngắn hạn	(116.281.702.301)	(148.250.672.187)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán ủy thác dài hạn	(50.709.137.743)	(100.140.278.186)
Cộng	(225.541.915.325)	(314.575.786.007)

11. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDKK & TTLKCK	2.375.559.295	2.160.248.269
Phải trả SSIAM tiền phí quản lý danh mục	5.620.273.269	1.309.625.784
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc trái phiếu	8.409.554.248	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	525.000.000	425.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí phải trả khác	2.497.413.875	3.100.781.525
Tổng Cộng	19.427.800.687	10.057.038.337

12. Người mua trả tiền trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.351.673.750	4.040.373.750
- Ứng trước tiền mua chứng khoán của khách hàng	95.009.400.000	95.009.400.000
Tổng Cộng	99.361.073.750	99.049.773.750

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	29.265.175	36.221.838
Hợp đồng mua bán chứng khoán	342.380.620.000	17.690.685.976
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh		48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	1.065.450.092	1.065.450.092
Phải trả công ty con	1.307.750.000	1.307.750.000
Phải trả NGT - ký quỹ ngắn hạn	1.387.665.858.147	1.114.504.309.449
Các khoản khác	2.646.737.430	7.503.404.124
Tổng Cộng	1.735.095.680.844	1.191.022.103.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

Các khoản thuế	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	84.348.028	5.269.593.349
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.154.620.205	9.111.512.048
Thuế Thu nhập cá nhân	1.042.632.811	2.803.348.791
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	1.473.360.225	409.429.587
Các loại thuế khác	1.281.657.485	848.665.436
Cộng	41.036.618.754	18.442.549.211

Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành Quý I-2013: (đơn vị tính: VNĐ)

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	188.206.833.259
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(29.395.068.320)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.12	(177.751.666.705)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.03.13	179.558.382.584
- DP phải thu khó đòi theo Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính	(12.000.000.000)
- Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	148.618.480.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính phải nộp Quý 1 năm 2013	37.154.620.205

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.526.117.420.000	340.921.476.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	921.016.945.812	4,988,192,837,626
Tăng vốn theo QĐ 26/2012/QĐ-CTHĐQT ngày 14/11/2012	11.832.000.000	4.022.880.000	-	-		15.854.880.000
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN 2012 theo quyết toán	-	-	-	-	(709.407.304)	(709.407.304)
Lợi nhuận sau thuế đến 31.03.2013	-	-	-	-	148.503.892.024	148.503.892.024
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013	3.537.949.420.000	344.944.356.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	1.068.811.430.532	5.151.842.202.346

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	50.139.595.647	52.687.916.677
Cộng	50.139.595.647	52.687.916.677

17. Vay và Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi BIDV (*)	161.101.895.136	267.728.021.077
Vay ngắn hạn ngân hàng Exim	-	90.000.000.000
Cộng	161.101.895.136	357.728.021.077

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 10.5% đến 10.8%, chi tiết:

Số đầu năm	267.728.021.077
Phát sinh tăng	740.995.512.302
Phát sinh giảm	847.621.638.243
Số cuối kỳ	161.101.895.136

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	804.543.424.394	672.221.482.487
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	46.700.231.000	238.080.145.000
Cộng	851.243.655.394	910.301.627.487

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1-2013	Quý 1-2012
Cổ tức	29.395.068.320	27.732.303.700
Trái tức	17.039.397.260	16.995.859.133
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	4.940.062.138	3.731.663.637
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	3.929.984.115	11.294.713.469
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	969.000.000	490.372.334
Tổng cộng	56.273.511.833	60.244.912.273

20. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2013	Quý 1-2012
Lãi tiền gửi	76.501.281.145	60.794.977.461
Doanh thu phí ứng trước	2.109.208.035	1.564.859.883
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	13.130.998.333	3.710.006.789
Doanh thu khác	306.498.432	6.335.893.942
Tổng cộng	92.047.985.945	72.405.738.075

21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2013	Quý 1-2012
Chi phí môi giới chứng khoán	8.903.189.703	7.997.178.777
Chi phí tự doanh chứng khoán	21.253.392.833	80.560.030.421
Chi phí hoạt động tư vấn		313.050.000
Chi phí dự phòng	(108.381.762.631)	(235.892.869.991)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	39.404.636.760	16.829.863.028
Trả lãi nhà đầu tư	3.441.090.311	3.716.272.550
Trả lãi tiền vay	2.361.086.071	
Chi phí khác	33.602.460.378	13.113.590.478

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	50.020.415.451	55.172.369.991
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>28.500.211.759</i>	<i>30.437.878.985</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>477.370.277</i>	<i>660.061.762</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>4.744.550.975</i>	<i>7.508.419.865</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>6.334.890.380</i>	<i>6.595.274.195</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>9.950.565.540</i>	<i>9.919.960.092</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>12.826.520</i>	<i>50.775.092</i>
Tổng cộng	11.199.872.116	(75.020.377.774)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý 1-2013	Quý 1-2012
Chi phí nhân viên	2.404.132.928	1.900.108.514
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài		(15.374.800)
Chi phí dự phòng		
Tổng Cộng	2.487.739.178	1.968.339.964

23. Nghiệp vụ với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Công ty con 80% sở hữu
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH MTV NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con 100% sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI

Các khoản phải thu:

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
Quỹ đầu tư thành viên				
Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Công ty TNHH MTV NDH				
Phí giao dịch chứng khoán	-	127.255.465	127.255.465	-
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	-	-	14.999.990.000
Phí giao dịch chứng khoán		30.778.495	30.778.495	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	272.100.000.000	850.000.000.000	722.100.000.000	400.000.000.000
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	14.638.388.888	14.638.388.888	-
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Phí giao dịch chứng khoán	-	132.405.013	132.405.013	-
Phí hợp đồng tư vấn	-	300.000.000	-	300.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán		113.945.392	113.945.392	-
Ủy thác danh mục đầu tư	1.548.626.503.469	94.400.000.000	-	1.643.626.503.469
Ngân Hàng ANZ				
Tiền gửi của nhà đầu tư	455.315.961	430.021	348.154.228	107.591.754

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các khoản phải trả:**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI				
Hợp tác kinh doanh	35.255.470.023		35.255.470.023	-
Lãi hợp tác kinh doanh				
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	429.029.173	294.043.761	723.072.934	-
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	398.833.035.546	373.733.035.546	25.100.000.000
Tiền thuê mặt bằng	-	965.910.438	965.910.438	-
	-	3.244.725.000	3.244.725.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam				
Hợp tác kinh doanh	518.584.378	-	518.584.378	-
Lãi hợp tác kinh doanh	3.290.423	212.285	3.502.708	-
Nhận cọc môi giới CK	-	618.437.580	8.000.000	610.437.580
Lãi nhận cọc môi giới CK	-	9.483.248	6.441.323	3.041.925
Công ty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000	-	-	50.100.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	285.326.472	285.326.472	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI				
Phí quản lý danh mục	1.309.625.784	4.310.647.485	-	5.620.273.269

Các giao dịch với các bên liên quan khác :

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 1/2013 là 2.582.230.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

24. Thuyết minh khác

Lợi nhuận trước thuế Quý 1/2013 của Công ty là 188.206.833.259 đồng, trong đó có 47.266.749.785 đồng là chi phí hoàn dự phòng của ABT, HVG, ELC, LAF, GIL và đã có 23.106.834.000 đồng là cổ tức nhận được trong kỳ của ELC, HVG. Các khoản chi phí hoàn dự phòng và cổ tức này sẽ **không được tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2013** do các công ty này là các công ty liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất của SSI. Kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2013 của các công ty liên kết này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2013 của Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

TPHCM, ngày 17 tháng 04 năm 2013

Người Lập Biểu


Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng


Hoàng Thị Minh Thủy

Phó Tổng Giám Đốc

**Nguyễn Hồng Nam**